

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CP
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 135/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 05 - 5 - 2022

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Sơn Hùng;

Bà Trương Thị Thu Thủy.

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Tr2 - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CP tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tr1 - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CP xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 63/2022/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Thanh Ph, sinh năm 1989.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Kim T, sinh năm 1991.

Cùng trú tại tổ 17, ấp Bình Ch, xã Bình L, huyện CP, tỉnh An Giang.

Anh Ph có mặt tại phiên tòa, chị T vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/12/2021 và trong quá trình xét xử nguyên đơn anh Trần Thanh Ph trình bày: Anh và chị T quen biết, tìm hiểu được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới và chung sống năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã

Bình L, huyện CP vào năm 2013. Cuộc sống vợ chồng lúc đầu hạnh phúc, dần về sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi vã nhau, đã ly thân từ năm 2016 đến nay. Nay tình cảm không còn không thể hàn gắn được nên xin ly hôn với chị T. Con chung có 02 con chung tên Trần Nguyễn Thị Huyền Tr1, sinh ngày 28/3/2011; Trần Nguyễn Thị Huyền Tr2, sinh ngày 17/11/2012, hiện 02 cháu đang ở với anh Ph, ly hôn anh Ph yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung không yêu cầu, nợ chung: không có.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Kim T, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng chị T vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị T.

Tại phiên tòa, anh Ph giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, yêu cầu nuôi 02 chung, không yêu cầu cấp dưỡng, tài sản chung không yêu cầu, nợ chung không có. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện CP phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa thấy rằng hôn nhân của anh Ph và chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh Ph yêu cầu ly hôn với chị T là có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Nguyễn Thị Huyền Tr1, sinh ngày 28/3/2011; Trần Nguyễn Thị Huyền Tr2, sinh ngày 17/11/2012, hiện 02 cháu đang ở với anh Ph, ly hôn anh Ph yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung, sau khi vợ chồng ly thân đến nay cháu Tr1 và cháu Tr2 do anh Ph chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định. Do đó, để ổn định cuộc sống của con chung, theo yêu cầu của anh Ph và nguyện vọng của cháu Tr1 và Tr2 muốn ở với anh Ph nên đề nghị giao cháu Tr1 và cháu Tr2 cho anh Ph tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Ph không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu, nên đề nghị không xem xét.

- Về nợ chung: Không có, nên đề nghị không xem xét.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết đúng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Kim T có hộ khẩu thường trú tại xã Bình L, huyện CP. Anh Ph khởi kiện xin ly hôn, Tòa án nhân dân huyện CP thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Bị đơn đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Anh Ph và chị T chung sống với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình L, huyện CP, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 8; khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Sau khi kết hôn anh chị có cuộc sống hạnh phúc được một thời gian, nhưng thời gian sau xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, vợ chồng đã ly thân từ năm 2016 đến nay, hiện nay tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên anh Ph xin ly hôn với chị T. Quá trình giải quyết vụ án, anh Ph đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, còn chị T không có ý kiến. Hội đồng xét xử xét thấy anh Ph và chị T đều không có ý định hàn gắn quan hệ vợ chồng, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Ph.

- Về con chung: Anh Ph và chị T chung sống có 02 con chung tên Trần Nguyễn Thị Huyền Tr1, sinh ngày 28/3/2011; Trần Nguyễn Thị Huyền Tr2, sinh ngày 17/11/2012, hiện 02 cháu đang ở với anh Ph, ly hôn anh Ph yêu cầu tiếp tục

nuôi 02 con chung. Xét, từ khi ly thân đến nay cháu Tr1 và cháu Tr2 do anh Ph chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định và 02 cháu có nguyện vọng muốn được ở với anh Ph. Do đó, để đảm bảo cuộc sống của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung tên Trần Nguyễn Thị Huyền Tr1, sinh ngày 28/3/2011; Trần Nguyễn Thị Huyền Tr2, sinh ngày 17/11/2012 cho anh Ph được trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; quyền nuôi con là không cố định. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Ph không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Anh Ph phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Thanh Ph.

Về hôn nhân: Anh Trần Thanh Ph được ly hôn với chị Nguyễn Kim T.

Giấy chứng nhân đăng ký kết hôn số 142 ngày 31/7/2013 của Ủy ban dân xã Bình L, huyện CP, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Giao con chung tên Trần Nguyễn Thị Huyền Tr1, sinh ngày 28/3/2011; Trần Nguyễn Thị Huyền Tr2, sinh ngày 17/11/2012 cho anh Trần Thanh Ph được trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Ph cùng với các thành viên trong gia đình không được cản trở chị T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha mẹ, hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Anh Trần Thanh Ph phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003507 ngày 11 tháng 02 năm 2022 của Cục thi hành án dân sự huyện CP.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAT An Giang;
- THA huyện CP;
- VKSND huyện CP;
- UBND xã Bình L;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ngọc Mỹ